

TUẦN:

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

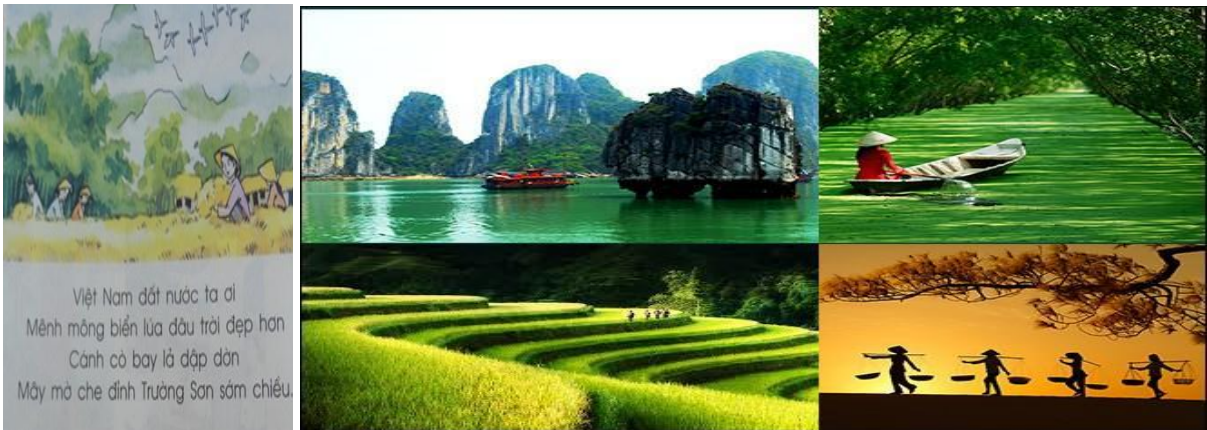
BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Môn: Ngữ văn 6

Số tiết: 12 tiết

“Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn”.

(Nguyễn Đình Thi)



I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (Thơ, thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp)
- Vẻ đẹp của quê hương đất nước được thể hiện qua 3 văn bản.
- Từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Hoán dụ.

2. Năng lực:

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

TIẾT : GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức.

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Năng lực.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

- Biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB.

3. Phẩm chất.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp

b) Nội dung: Chia sẻ kinh nghiệm bản thân

c) Sản phẩm:

- Những suy nghĩ chia sẻ của HS

- Cảm xúc cá nhân của HS.

- Tri thức ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

d) Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây và cho biết thể thơ được sử dụng ở đây là gì?

? Em đã bắt gặp những đoạn thơ có cùng thể loại với đoạn thơ trên hay chưa? Hãy kể tên và đọc một đoạn cho cả lớp cùng nghe.

HS đọc bài thơ, suy nghĩ và trả lời.

“Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi)

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Như thường lệ, mở đầu mỗi bài học, chúng ta sẽ tìm hiểu về phần tri thức ngữ văn. Tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về thơ lục bát.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Chiếu Slide, yêu cầu HS đọc & đặt câu hỏi: ? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì? 2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK. 3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: ? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng? ? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám? ? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 – 6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 – 6 – 8 trong dòng tám tiếng? ? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó? ? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV+ HS) 1. HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn HS đọc. 2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn 3. HS làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.	- Nội dung của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước. * Thơ lục bát. - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. - <i>Vần trong lục bát</i>: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo. - <i>Thanh điệu trong thơ lục bát</i>: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại; - <i>Nhịp thơ trong lục bát</i>: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...). * Lục bát biến thể. - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong

GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận(HS) GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Ví dụ về lục bát biến thể: + Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non + Cưới vợ thì cưới liền tay Chớ để lâu ngày lấm kẻ gièm pha - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn	các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,...
--	--

TIẾT: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Đọc văn bản

VĂN BẢN 1 CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao.
- Nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

2. Về năng lực:

- Xác định được thể thơ
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài;
- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chùm ca dao về quê hương đất nước*;

3. Phẩm chất:

- Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

Chuẩn bị của GV

- Giáo án.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh, về các địa danh được giới thiệu trong bài học như Hà Nội, Huế, Lạng Sơn.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương em sẽ nói điều gì?

? Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm bài thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

GV gợi ý Câu 1: em có thể nói về dòng sông, cánh đồng....

Câu 2: em có thể đọc 1 đoạn trong bài thơ “ Bài học đầu cho con” của Đỗ Trung Quân hoặc bài “ Nhớ con sông quê hương” của Tế Hanh.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

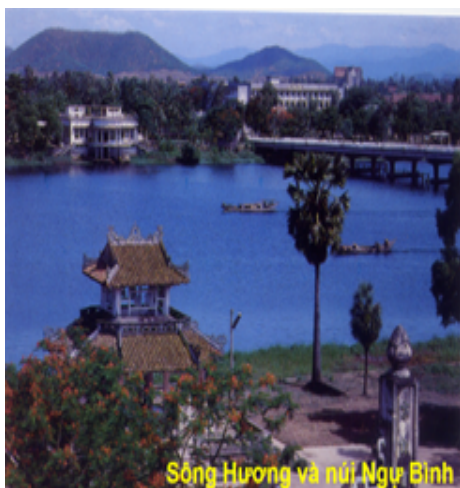
Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1: Đọc văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG
a) Mục tiêu: HS đọc diễn cảm văn bản và hiểu được nghĩa của các từ khó b) Nội dung: - Hs đọc, quan sát SGK. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - GV sử dụng KT đặt câu hỏi. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ điệu phù hợp với bài ca dao Gọi 2,3 HS đọc thành tiếng văn bản GV yêu cầu học sinh tìm hiểu và giải thích các từ khó trong SGK. + Các từ chỉ địa danh(Hà Nội, Lạng Sơn, Huế) + Các từ ngữ cổ B2: Thực hiện nhiệm vụ(GV+ HS) HS: Đọc văn bản và tìm từ ngữ GV: Theo dõi, hỗ trợ HS. B3: Báo cáo, thảo luận(HS) HS đọc văn bản HS: Trình bày kết quả tìm được. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách tìm từ ngữ B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét cách đọc của học sinh - Nhận xét về thái độ học tập và câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu từ ngữ khó - Các địa danh ở Hà Nội: + Trấn Võ + Thọ Xương + Yên Thái + Tây Hồ - Các địa danh ở Lạng Sơn: + xứ Lạng + sông Tam Cờ - Các địa danh ở Huế: + Đông Ba + Đập Đá + Vĩ Dạ + ngã ba Sinh



II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

a) Mục tiêu: Giúp HS

Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT 4 ô vuông cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV) - Chia lớp ra làm 2 nhóm hoặc 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4 - Phát phiếu học tập số 1 cho nhóm và nhóm giao câu hỏi cho từng bạn:	<i>1. Bài ca dao (1)</i>

- GV yêu cầu HS:

Câu 1: Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?

Câu 2: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.

Câu 3: Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4: Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Ghép câu trả lời để tạo sản phẩm của nhóm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

HS:

* *Vòng chuyên sâu*

- Làm việc cá nhân 5 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

+ Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...*

Ai ơi chơi lấy kéo già

Măng mọc có lứa người ta có thì

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Cái già sông sọc nó thì theo sau

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần

* *Vòng mảnh ghép*

HS:



- Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng;

- Cách gieo vần: *đà – gà, xương – sương – gương;...*

Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;

- Ngắt nhịp:

+ Gió đưa/ cành trúc/ la đà

Tiếng chuông Trấn Võ/ canh gà Thọ

Xương

nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4;

- Biện pháp tu từ:

+ Ẩn dụ: *mặt gương Tây Hồ* về đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm). Về đẹp nên thơ vào sáng sớm.

2. Bài ca dao (2)

- 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung mà mình đảm nhận.

- 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận(HS)

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang bài ca dao số 3

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV yêu cầu HS:

Nhóm 1+3.

Câu 1: So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v...

Nhóm 2+4.

Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?

(Gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như



- Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng

- Cách gieo vần: *xa – ba, trông – sông*

Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;

- Ngắt nhịp:

+ Ai ơi/ đứng lại mà trông

Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ
nhịp chẵn: 2/4; 4/4

- Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*
Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.

3. Bài ca dao (3)

Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gọi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ mờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trắng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v...).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS: thực hiện nhiệm vụ.

Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS: báo cáo kết quả;

GV: gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận nhận định (GV)

GV: nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng..

NV3:

Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ

- Chia nhóm lớp theo bàn

- Phát phiếu học tập

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?

? Nội dung chính của văn bản

“Chùm ca dao về quê hương đất nước”?

- GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy.

- Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV: hướng theo dõi, quan sát HS thảo



- Lục bát biến thể:

+ Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường;

+ Tính chất biến thể: hai dòng đầu:

Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng).

Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc.

- Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.

2. Nội dung

- Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước.

luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận. HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau. - HS thực hiện nhiệm vụ.	
---	--

2.2 Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (Khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn (Tham khảo đoạn văn sau)

Hồ Hoàn Kiếm là một danh thắng nổi tiếng của Hà Nội. Đó là những hàng liễu rủ thướt tha, những nhánh lộc vùng nghiêng nghiêng đổ hoa soi bóng dưới lòng hồ. Giữa hồ có tháp Rùa, cạnh hồ có đền Ngọc Sơn có "Đài Nghiên Tháp Bút chưa sòn"... Hình ảnh hồ Gươm lung linh giống như một tấm gương xinh đẹp giữa lòng thành phố đã đi vào lòng nhiều người dân Hà Nội. Người dân Hà Nội sống ở khu vực quanh hồ có thói quen ra đây tập thể dục vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa hè. Họ gọi các khu phố nằm quanh hồ là Bờ Hồ. Không phải là hồ nước lớn nhất trong Thủ đô, song với nguồn gốc đặc biệt, hồ Hoàn Kiếm đã gắn liền với cuộc sống và tâm tư của nhiều người. Hồ có nhiều cảnh đẹp. Và hơn thế, hồ gắn với huyền sử, là biểu tượng khát khao hòa bình (trả gươm cầm bút), đức văn tài võ trị của dân tộc (thanh kiếm thiêng nơi đáy hồ và tháp bút viết lên trời xanh). Hồ Gươm sẽ mãi sống trong tiềm thức mỗi người dân Thủ đô nói riêng và người dân cả nước nói chung như một biểu tượng thiêng liêng về lịch sử và truyền thống văn hóa dân tộc.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

II. Thực hành Tiếng Việt

TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA

- a) Mục tiêu: Giúp HS
- Trình bày được thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa.
 - Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- b) Nội dung: HS thảo luận theo nhóm
- c) Sản phẩm:
- Phiếu học tập.
 - Kết quả các bài tập trong sgk.
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu các nhóm 1+ 3: ? Hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? - GV yêu cầu nhóm 2+4 ? Em hãy giải thích nghĩa của từ chín (1) và nghĩa của từ chín (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển. Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau + Nghĩa của từ chín (1): trạng thái nghĩ kỹ, suy xét thấu đáo, không thể hơn được nữa; Nghĩa của từ chín (2): trạng thái của các sự vật, hiện tượng về thực phẩm (như trái cây, cơm, v.v...), là trạng thái thực phẩm không còn sống, đã đạt đến mức có thể ăn được, ăn ngon, là trạng thái cuối cùng. Nghĩa của từ chín (1) và chín (2) có nét tương đồng.	a. Khái niệm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau. - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định. (GV) - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định. (GV) - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	b. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang a. <i>Lờ đờ bóng ngả trăng chênh</i> <i>Bóng</i>: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có. b. <i>Bóng đã lặn ra khỏi đường biên dọc</i> <i>Bóng</i>: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nảy, dùng làm đồ chơi thể thao. c. <i>Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng</i> <i>Bóng</i>: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương. Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau -> Từ đồng âm. Bài tập 2 SGK trang a. - <i>Đường lên xứ Lạng bao xa</i> <i>Đường</i>: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác. - <i>Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm đường</i> <i>Đường</i>: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm. b. – <i>Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát</i> <i>Đồng</i>: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt. - <i>Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng</i> <i>Đồng</i>: đơn vị tiền tệ Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau

	-> Từ đồng âm. Bài tập 3 SGK trang a. <i>Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái</i> b. <i>Bố vừa mua cho em một trái bóng</i> c. <i>Cách một trái núi với ba quãng đồng</i> <i>Trái</i> trong ba ví dụ có liên quan với nhau về mặt ý nghĩa. Có nghĩa giống nhau (là danh từ), chỉ danh xưng của một sự vật (quả xoài, quả bóng, quả núi). Từ đa nghĩa. Bài tập 4 SGK trang a. <i>Con cò có cái cổ cao</i> <i>Cổ</i>: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân. b. <i>Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao cổ</i> <i>Cổ</i>: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ Từ đa nghĩa. c. <i>Phố cổ tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội</i> <i>Cổ</i>: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ <i>cổ</i> trong hai câu a. và b. -> Từ đồng âm. Bài tập 5 SGK trang - <i>Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non</i> <i>Nặng</i>: tính chất, mức độ nhiều tình cảm. - Một số ví dụ có từ <i>nặng</i> được dùng với nghĩa khác: + Túi hoa quả này <i>nặng</i> quá. + Em rất buồn vì mẹ em ốm <i>nặng</i>.
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể; củng cố kiến thức đã học.
- Nội dung: HS áp dụng kiến thức đã học, suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
- Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập
- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.

Sgk Kết nối tri thức

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS:

- Hình thức: Đoạn văn có dung lượng 5 đến 7 câu.
- Nội dung: nói về tình yêu quê hương đất nước (Trong đoạn văn có sử dụng từ đồng âm và từ đa nghĩa.

HS: Viết theo yêu cầu

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực tự học, năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV)

? Hãy lấy ví dụ về một bài ca dao và chỉ ra các yếu tố của thơ lục bát trong bài ca dao?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Họ tên:	
Câu 1: Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?	
Câu 2: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh	

điều trong các bài ca dao 1 và 2.	
Câu 3: Trong cụm từ <i>mặt gương Tây Hồ</i> , tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.	
Câu 4: Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i> . Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i>	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v...	
Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Họ tên:	
Nghệ thuật	

	
Nội dung	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4	
Nhóm 1+3	
Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?	

Văn bản 2: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

-Lâm Thị Mỹ Dạ -

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ
- Chủ thể nhân vật trữ tình trong thơ
- Đặc điểm của thể thơ lục bát, nét độc đáo của những hình ảnh, ngôn ngữ và giá trị của bài thơ
- Tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

2. Về năng lực:

- Xác định được tình cảm, cảm xúc trong bài thơ
- Nhận biết được các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ

Sgk Kết nối tri thức

- Thấy được vẻ đẹp về tình người trong cuộc sống

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, đoàn kết, yêu thương... với mọi người; tự hào về đất nước, về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ và bài thơ

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em biết những câu chuyện dân gian nào? Trong truyện đó em thích nhân vật nào? Vì sao?

? những câu chuyện đó gợi cho em có những suy nghĩ gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ b) Nội dung: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV)	- Lâm Thị Mỹ Dạ; - Năm sinh: 1949; - Quê quán: Quảng Bình; - Là nhà thơ nữ nổi tiếng, là hội viên HNV Việt Nam. Có nhiều tác phẩm đạt giải cao.

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức -> ghi lên bảng	- Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đầm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.
2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể thơ, giọng điệu, chủ thể trữ tình, ...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. Chia nhóm 2 ? Nêu xuất xứ của bài thơ? ? Bài thơ thuộc thể thơ nào? Em hãy chỉ ra đặc điểm của thể thơ này? ? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 3' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉn cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	- Rút từ <i>Tuyển tập</i>, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203. - Thể loại: thơ lục bát; + tồn tại theo cặp: 1 câu 6 chữ, 1 câu 6 chữ + vần của tiếng cuối cùng câu 6 hiệp vần với vần của tiếng thứ 6 của câu 8. Vần của tiếng thứ 8 trong câu bát hiệp vần với tiếng thứ 6 trong câu lục tiếp theo.... - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm;

GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	
II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chi tiết của bài thơ và nghệ thuật đặc sắc của <i>Chuyện cổ nước mình</i> b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, suy nghĩ, thảo luận để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
1. Những câu chuyện cổ được gọi ra từ trong bài thơ	
Hoạt động của GV -HS B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Thi ai nhanh hơn: chia 2 đội thi, mỗi đội 3 em. ? Qua bài thơ em thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Em hãy tìm những câu thơ gọi đến những câu chuyện đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	Nội dung cần đạt - <i>Thị thơm thì giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà => Tấm Cám</i> - <i>Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì => Đẽo cày giữa đường</i> - <i>Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người => Sự tích trầu cau</i>
2. Ý nghĩa được gọi ra từ những câu chuyện cổ	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy những điều gì về vẻ đẹp tình người? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng? Tác dụng của nó?	<u>a. Những vẻ đẹp tình người</u> <i>vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, Thương người ...</i>

? Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ là gì? Vì sao tác giả lại có tình cảm đó? B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. Chuyển dẫn phần b	<i>ở hiền.... rất công bằng, rất thông minh vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.</i> => Điệp ngữ, liệt kê => <i>Những giá trị nhân văn tốt đẹp: Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,...</i> => <i>Tình cảm yêu mến với những câu chuyện cổ</i>
b) B1: Chuyển giao nhiệm vụ Chia nhóm thảo luận: 3 nhóm- mỗi nhóm 1 câu hỏi: Đời ông cha với đời tôi Như con sông với chân trời đã xa Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình ? Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Qua đó tác giả muốn nói gì trong những câu thơ trên? Em thấy tình cảm nào của tác giả được bộc lộ? + Tôi nghe chuyện cổ thắm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau ? Hai câu thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì? ? Theo em vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”? Qua đó em có suy nghĩ gì về vai trò của chuyện cổ trong đời sống con người? B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập B3: Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu cần) B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	<i>b. <u>Lời căn dặn,</u> <u>những bài học từ</u> <u>cha ông đến con</u> <u>cháu qua những câu</u> <u>chuyện cổ</u></i> - “đời ông cha với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa. Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” -> So sánh, hoán dụ -> <i>là cầu nối, là nhân chứng, là lưu giữ những suy nghĩ, tình cảm... của ông cha,</i> -> <i>Thấy được thế giới tinh thần: tâm hồn, phong tục, quan niệm, triết lý nhân sinh... của cha ông</i> - “Tôi nghe chuyện cổ thắm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” -> <i>Bài học về đạo lý làm người : chân</i>

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. (Giảng) + Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa, + con sông: dòng chảy, sự tiếp nối) -giải thích từ “thầm thì”: thủ thỉ, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ “chuyện cổ thầm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ; - “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau + Mới mẻ, rạng ngời lương tâm: không cũ, bài học về c/s luôn tỏa sáng...vì: là hành trang tinh thần để vượt qua khó khăn, thử thách...).	<i>thành, nhân ái, cần cù. Có kiến thức...</i> - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: <i>=>Những bài học về cuộc sống vẫn còn nguyên giá trị, có GD lớn đến con người; khẳng định tầm quan trọng của những câu chuyện cổ trong đời sống tinh thần</i> <i>=>Tình yêu quê hương, đất nước. Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống DT.</i>
III. Tổng kết	
a) Mục tiêu:Khải quát nội dung và nghệ thuật chủ yếu của văn bản <i>Chuyện cổ nước mình</i> b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
HĐ của GV -HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nhận xét những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ? ?Bài thơ cho em hiểu được điều gì? B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. Chốt kiến thức lên bảng	1. Nghệ thuật - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn. - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, tha thiết 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương,

	đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.
--	--

3 HĐ3. Hoạt động luyện tập

- a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.
- b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm: Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:
 1. Từ nào sau đây là từ láy?
 - A. Thăm thì
 - B. Thiết tha
 - C. Đậm đà
 - D. Cả 3 từ trên
 2. Tìm những câu thơ gợi tả đường nét, màu sắc quê hương? Qua đó em hình dung cảnh tượng quê hương như thế nào?

4 HĐ4. Hoạt động vận dụng

- a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.
- b) Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c) Sản phẩm: Kết quả của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:
 - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*
 - GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Văn bản 3
CÂY TRE VIỆT NAM

– *Thép Mới* –

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Thép Mới;
- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;
 - Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...
- Biện pháp tu từ hoán dụ, tác dụng của biện pháp tu từ này;
- Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

2. Về năng lực:

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây tre Việt Nam*;
- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây tre Việt Nam*;
- Biết khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;
- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;
- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

3. Về phẩm chất:

- Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách tham khảo
- Tranh ảnh về nhà văn Thép Mới, về hình ảnh cây tre và văn bản “Cây tre Việt Nam”
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Em biết những sáng tác nghệ thuật nào có hình ảnh cây tre (bài hát, tranh vẽ, thơ, truyện, v.v...)

Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, xem clip

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: Cây tre là hình ảnh gắn gũi với đời sống của người dân Việt Nam. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề *Quê hương yêu dấu*, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Thép Mới và tác phẩm “Cây tre Việt Nam”. b) Nội dung: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Thép Mới? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận	- Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê Hà Nội; - Là nhà báo, nhà văn nổi tiếng; - Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

HS trả lời câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.



2. Tác phẩm

a) Mục tiêu: Giúp HS Biết được những nét chung của văn bản.

b) Nội dung: Xuất xứ, thể loại, bố cục của văn bản.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS: Hiểu biết của em VB <i>Cây tre Việt Nam</i>. Thể loại? Bố cục? Hoàn cảnh ra đời văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, trả lời độc lập B3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	- Bài <i>Cây tre Việt Nam</i> là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan - Thể loại: bút kí - Bố cục: 3 phần: + <i>Từ đầuchí khí như người</i>: Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam. + <i>Tiếp...của trúc, của tre</i>: Sự gắn bó của tre và người trong mọi hoàn cảnh. + <i>Còn lại</i>: Vị trí của tre trong tương lai



Gv **Tích hợp lịch sử:**

+ Chiều băng hình chiến thắng Điện Biên Phủ.



+ Năm 1954, chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

Chiến thắng ấy chấn động cả địa cầu, khiến những người tiến bộ khắp năm châu đều cảm phục. Năm 1955, một số

nghệ sĩ điện ảnh Ba Lan dựng một cuốn phim về nước ta lấy tên là <i>Cây tre Việt Nam</i>, coi cây tre tiêu biểu cho những đức tính tốt đẹp của nhân dân Việt Nam, nhất là tinh thần chiến đấu bất khuất, bền bỉ, kiên cường. Nhà văn Thép Mới viết lời thuyết minh cho bộ phim ấy.	
---	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Vẻ đẹp của cây tre	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết miêu tả hình ảnh cây tre; - Đánh giá vẻ đẹp của cây tre là vẻ đẹp của con người Việt Nam. b) Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận; - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ; - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: ?Cây tre được giới thiệu như thế nào về hình dáng, phẩm chất? ?Sau khi khẳng định tình thân giữa tre và người dân Việt Nam, tác giả ca ngợi những vẻ đẹp nào của tre Việt Nam qua những chi tiết, hình ảnh nào? ?Hãy tìm thêm những phẩm chất của tre ở các đoạn văn còn lại? ?Chỉ ra nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của nó trong đoạn văn này? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	-Tre: bạn thân của nhân dân Việt Nam. - Mọc xanh tốt khắp nơi. - Dáng vươn mọc mọc - Màu tươi nhũn nhặn. -Cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí như người. - Ngay thẳng, thủy chung, can đảm. =>Phép liệt kê, nhân hoá, nhiều tính từ được sử dụng nhằm ca ngợi vẻ đẹp bình dị, sức sống mãnh liệt, phẩm

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.

*** Tích hợp địa lí, âm nhạc:**

- + Chiếu hình ảnh tre, mở bài hát “Làng tôi”(Văn Cao) do ca sĩ Lan Anh thể hiện.



-Gv chốt: Việt Nam là xứ sở nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, động thực vật phong phú và đa dạng. Trong đó, tre là loài cây phát triển mạnh khắp mọi nơi, có giá trị về nhiều mặt. Những phẩm chất tốt đẹp của tre cũng chính là phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam trên những chặng đường vẻ vang của lịch sử.

chất quý báu của tre cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam.

2.Ý nghĩa của tre đối với người dân Việt Nam

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần;
- Hiểu được Vị trí cây tre trong tương lai;
- Tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước;

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS;
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu câu hỏi: ?Tìm những chi tiết thể hiện sự gắn bó của tre với người trong đời sống hàng ngày, trong lao động? ? Em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật trong đoạn văn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. GV: Lời viết giàu nhạc tính, nhịp điệu đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: ?Em hãy chỉ ra các chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam; ?Phân tích câu văn: <i>Buổi đầu, không một tác sát trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí;</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. GV chiếu hình ảnh:	a) <i>Trong đời sống hàng ngày, trong lao động</i> + cối xay tre + tre làm nhà + giang chẻ lạt, cho bóng mát + Từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay: chiếc nôi tre nằm trên giường tre. ->Giúp người hàng nghìn công việc khác nhau =>Tre là người bạn thân thiết, thủy chung lâu đời của nhà nông Việt Nam. b) <i>Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc</i> - Tre là đồng chí. - Tre là vũ khí. - Chống, xung phong, giữ, hi sinh vì ta. - Tre: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.



GV: Đoạn văn trầm hùng, gợi nhắc truyền thuyết người anh hùng làng Gióng dùng gậy tre đánh đuổi giặc Ân, và cuộc kháng chiến chống Pháp, tre là vũ khí thô sơ nhưng rất hiệu quả. Nhân dân ta muôn ngàn đời biết ơn cây tre anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu đã hi sinh để bảo vệ con người.

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

?Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài.

?Để thể hiện sự gắn bó giữa tre với người trong mọi hoàn cảnh ấy, nhà văn Thép Mới đã có những đặc sắc nào về mặt nghệ thuật?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

=> Tre bền bỉ, kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ con người và Tổ quốc.

c) Tre với đời sống tinh thần

- Tre là khúc nhạc đồng quê.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng. * Tích hợp âm nhạc, mỹ thuật: <i>* Chiếu hình ảnh cánh diều, mở tiếng sáo</i> -GV: <i>Sáo tre sáo trúc là loại nhạc cụ dân tộc âm thanh réo rắt, bổng trầm làm say lòng người. Thật thú vị nếu được nghe tiếng sáo trúc vọng giữa không gian, hay tiếng sáo diều vi vu trên bầu trời cao vợi trong buổi chiều lộng gió. Đó là lúc chúng ta cảm thấy cuộc sống còn nhiều thi vị, giúp ta tạm quên đi những khó nhọc đời thường. Đoạn văn giàu nhạc điệu, giàu chất thơ, cho thấy vẻ đẹp tâm hồn và nét văn hóa đặc sắc của dân tộc ta.</i>	- Sáo tre, sáo trúc vang lừng trời - Tiếng hát của trúc, của tre... ->Tre là phương tiện để biểu lộ cảm xúc bằng âm thanh. => Điệp ngữ “tre”, nhân hóa, liệt kê, câu văn giàu nhạc tính, biểu cảm cao, dẫn chứng sắp xếp hợp lí...nhấn mạnh những vẻ đẹp của tre, vẻ đẹp cần cù, bền bỉ, sáng tạo, đoàn kết, anh hùng, bất khuất của con người Việt Nam.
3. Vị trí của cây tre trong tương lai	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần; - Hiểu được Vị trí cây tre trong tương lai; - Tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước; b) Nội dung: - GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS; - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có). c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS:	- Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre

?Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai? ?Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng. * Chiều Vai trò của tre. - Cối xay tre, điệu cày, nhà tre, cầu tre... GV: <i>Tre đã gắn bó và giúp ích cho dân tộc ta trong quá khứ, hiện tại. Trong tương lai, tre vẫn mãi gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của người Việt, tiếp tục là bạn đồng hành với con người. Những sản phẩm sáng tạo từ tre, một cây cầu tre lắc lẻo, một bức tranh tre, những làng quê bình yên dưới bóng tre... là hình ảnh thân thương mang đậm nét văn hóa độc đáo của dân tộc, chúng ta cần gìn giữ và phát huy.</i>	nửa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ; hình ảnh của tre là thân thuộc; hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; tin tưởng vào truyền thống văn hóa: <i>uống nước nhớ nguồn</i>. + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được; + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam;
III. Tổng kết	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Cây tre Việt Nam”? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ	1. Nghệ thuật Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết. 2. Nội dung Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của

trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;
---	--

2.2 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ	
a) Mục tiêu: Giúp HS Khái niệm biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này; b) Nội dung: sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: <i>Bàn tay ta làm nên tất cả</i> <i>Có sức người sỏi đá cũng thành cơm</i> (<i>Bài ca vỡ đất</i> – Hoàng Trung Thông) Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời; - GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ.	
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ; - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	1. Khái niệm: Hoán dụ là biện pháp tu từ vốn để chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 1, 2 SGK trang 99,100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	mối quan hệ tương cận (gần nhau) nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Bài tập Bài tập 1 (SGK trang 99 – 100) <i>Nhắm mắt xuôi tay</i> nói đến cái chết. <i>Mái nhà tranh, đồng lúa chín</i> thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung. <i>Áo cơm cửa nhà</i> nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. Bài tập 2 (SGK trang 100) - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa <i>Đời cha ông với đời tôi</i> cũng xa như <i>con sông với chân trời</i>. Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách. - Biện pháp tu từ nhân hóa: <i>gậy tre, chông tre chống lại</i> sắt thép quân thù; <i>Tre xung phong</i> vào xe tăng đại bác. Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người.
--	--

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ	
a) Mục tiêu: Giúp HS Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. b) Nội dung: sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về thành ngữ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 3,4 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	1. Khái niệm: Thành Ngữ là cụm từ cố định, khó thay đổi, thường hiểu theo nghĩa bóng. 2. Bài tập: Bài tập 3 (SGK trang 100) <i>Đẽo cày theo ý người ta</i> <i>Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i> Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường; Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến

	riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả.
--	---

3. HĐ3 Hoạt động luyện tập

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Văn bản *Cây tre Việt Nam* thuộc thể loại gì?

- a. Bút kí
- b. Truyện ngắn
- c. Tiểu thuyết
- d. Thơ

Câu 2: Ai là tác giả của *Cây tre Việt Nam*?

- a. Tô Hoài
- b. Nam Cao
- c. Thép Mới
- d. Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu 3: Trong câu “Và sông Hồng bắt khuất có cái chông tre”, hình ảnh sông Hồng được dùng theo lối:

- a. Ẩn dụ
- b. Hoán dụ
- c. So sánh
- d. Nhân hóa

Câu 4: “Thành đồng Tổ quốc” là chỉ danh hiệu miền đất nào?

- a. Bắc Bộ
- b. Trung Bộ
- c. Nam Bộ
- d. Tây Nguyên

Câu 5: Tre đã trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 6: Nội dung của VB *Cây tre Việt Nam* là:

- a. Cây tre là người bạn thân của nhân dân Việt Nam.

Sgk Kết nối tri thức

- b. Tre có mặt ở khắp nơi, tre đã gắn bó lâu đời và giúp ích cho con người trong đời sống hằng ngày, trong lao động sản xuất và cả trong chiến đấu chống giặc.
- c. Tre gắn bó với con người và dân tộc Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 7: Trong VB, nguồn vui mà tre mang lại cho trẻ thơ là từ đâu?

- a. Tre hát ru em bé trong giấc ngủ êm nồng
- b. Tạo bóng mát cho trẻ em nô đùa
- c. Nguyên liệu từ tre tạo ra que đánh chuyền
- d. Tre làm nên chiếc nôi đưa trẻ

Câu 8: VB *Cây tre Việt Nam* có những đặc điểm nghệ thuật nào?

- a. Giàu chi tiết hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng
- b. Sử dụng rộng rãi và thành công các phép nhân hóa
- c. Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu
- d. Tất cả đều đúng

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

4. HĐ4 Hoạt động vận dụng

- a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

1. Trò chơi ô chữ:

2. Tre già măng mọc là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của trò chơi, của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định:

GV hướng dẫn các em cách chơi, cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
GV nhận xét bài làm của HS.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI

Phiếu số 1

Nhóm	Nội dung
Nhóm 1	Cây tre được giới thiệu như thế nào về hình dáng,

	phẩm chất?
Nhóm 2	Sau khi khẳng định tình thân giữa tre và người dân Việt Nam, tác giả ca ngợi những vẻ đẹp nào của tre Việt Nam qua những chi tiết, hình ảnh nào?
Nhóm 3	Hãy tìm thêm những phẩm chất của tre ở các đoạn văn còn lại?
Nhóm 4	Chỉ ra nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của nó trong đoạn văn này?

Phiếu số 2



?Tìm những chi tiết thể hiện sự gắn bó của tre với người trong đời sống hàng ngày, trong lao động?? Em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật trong đoạn văn?

KỸ THUẬT KHẸN PHỦ BÀN

Phiếu số 3

Sgk Kết nối tri thức

Nghệ thuật	
Nội dung	
Ý nghĩa	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.

B. VIẾT

Ngày soạn:

Tiết 1+ 2:

TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm thể thơ lục bát.

2. Về năng lực:

- Biết vận dụng những hiểu biết về đặc điểm thể thơ lục bát để làm bài thơ lục bát.
- Cảm xúc về một đề tài tự chọn.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào và yêu quý thể thơ dân tộc, từ đó làm sâu sắc tình yêu quê hương đất nước.
- Làm thế giới tình cảm thêm sâu sắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài trình bày của HS.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a) Mục tiêu: - Biết được những đặc điểm của thể thơ lục bát. b) Nội dung: - HS đọc phần tri thức Ngữ văn về thơ lục bát. - HS trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Bài ca dao số 1 và 2 thuộc “Chùm ca dao về quê hương đất nước” thuộc thể thơ nào? Đọc phần Tri thức Ngữ văn, nêu hiểu biết về thể thơ đó B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát hai bài ca dao và phần Tri thức Ngữ văn. - Suy nghĩ cá nhân. - HS chỉ rõ đặc điểm thể thơ lục bát. GV: - Chiếu lên màn hình hai bài ca dao và đặc điểm thể thơ lục bát. - Dự kiến những khó khăn học sinh có thể gặp phải để giúp các em tìm ra đáp án chính xác. VD: Giải thích hệ thống thanh điệu tiếng Việt: gồm 6 thanh: sắc, hỏi ngã, nặng, ngang, huyền Thanh bằng: huyền và ngang. Thanh trắc: còn lại. B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tập làm một bài thơ lục bát”.	- Thể thơ: lục bát. - Đặc điểm: + Số tiếng. + Vần. + Thanh điệu. + Nhịp.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT
Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với một bài thơ lục bát đúng luật : - Số tiếng trong một dòng thơ. - Hiệp vần. - Thanh điệu. - Nhịp thơ.

- Viết được một vài câu thơ lục bát theo đề tài tự chọn. Nội dung: - GV chia nhóm lớp - Cho HS làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: GV gọi học sinh đọc phần Khởi động viết. 1. Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm để hoàn thiện hai khổ thơ: Tiếng chim vách núi nhỏ dần Rì rầm tiếng suối khi khi xa Ngoài thềm rơi chiếc lá Tiếng rơi rất mỏng như rơi nghiêng. (Trần Đăng Khoa) Tre già yếu lấy măng Chắt chiu như mẹ yêutháng ngày Mai sau con lớn hơn thày Các con ôm cả đất tròn. (Tố Hữu) 2. Quan sát bức tranh sau, xác định chủ đề của bài thơ. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc hai khổ thơ trong sgk – 109, 110. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. - HS đọc phần Thực hành viết. - Tiến hành thảo luận 7’ để tạo câu thơ đầu tiên. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) (yêu cầu 1,2 - Các nhóm thi đua làm thơ theo tổ. + GV lựa chọn câu lục hay nhất. + Nhóm tiếp theo đến lượt làm câu bát. Mỗi nhóm có 5’ để suy nghĩ tạo câu thơ. Nếu sau 5’ không làm được sẽ bị mất quyền, Quyền chơi thuộc về nhóm tiếp theo.	1. Bài thơ của Trần Đăng Khoa: - Gắn. - Đa. - Là. Đoạn thơ của Tố Hữu: Non. Con. Non sông 2.Chủ đề bức tranh: đất nước Việt Nam / Việt Nam tươi đẹp Bài thơ: Việt Nam tươi đẹp.

Lần lượt các nhóm sẽ bàn bạc để tạo câu thơ phù hợp cả về nội dung và hình thức.

Nhóm nào làm được nhiều câu sẽ thắng cuộc.

- Cuối cùng GV tổ chức cho học sinh thi đặt nhan đề cho bài thơ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS, công bố nhóm thắng cuộc và phần thưởng.

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm thể thơ lục bát.
- Cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Về năng lực:

- Biết viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

3. Về phẩm chất:

- Tự hào, yêu quý thể thơ lục bát dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

PHIẾU TÌM Ý : Bài ca dao “ Trong đầm gì đẹp bằng sen...”

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao / thơ lục bát

Gợi ý: Em hãy tìm ý cho đoạn văn bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

///

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
Mục tiêu: - Biết được kiểu bài viết đoạn văn cảm nhận về một bài thơ lục bát. Nội dung: - HS đọc một số bài thơ, ca dao được làm theo thể thơ lục bát mà mình sưu tầm được - HS trả lời câu hỏi của GV c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ?Đọc các bài thơ, ca dao trên em có cảm nhận gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Nghe / đọc ca dao, thơ lục bát. - Suy nghĩ cá nhân - HS trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát”	HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ, ca dao

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT	
Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Trình bày đúng hình thức đoạn văn. - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân đối với một bài thơ lục bát. Nội dung: - GV chia nhóm lớp - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Bài ca dao số 1 thuộc chủ đề quê hương đất nước gợi cho em những cảm xúc gì? ? Những hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu trong bài ca dao khiến em rung động như thế nào? ? Hãy ghi lại những cảm nhận của em về bài ca dao trên. ? Theo em, một đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ hoặc bài ca dao lục bát cần đảm bảo những yêu cầu gì. B2: Thực hiện nhiệm vụ -GV chiếu câu hỏi. - HS trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời - HS trả lời câu hỏi. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát: -Giới thiệu được bài thơ (bài ca dao, đoạn thơ) , tác giả (nếu có) -Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ. -Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ/ bài ca dao... (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ....)
ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO	
Mục tiêu: - Bài viết tham khảo kể: Nét đẹp của bài ca dao “ Anh đi anh nhớ quê nhà” - Biết yêu cầu của đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao. - Chỉ ra được các phần của đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn , kết đoạn). Nội dung: - HS đọc SGK - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào? 2. Những câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao. 3. Những câu nào nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy. 4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy.	Bài mẫu: - Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao: “Anh đi anh nhớ quê nhà” - Đoạn văn gồm 7 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng. -Câu 1: giới thiệu tác giả. -Câu 2: cảm nhận về nội dung.

GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	-Câu 3,4,5,6,7: cảm nhận về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật.
--	---

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết đoạn văn theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ / ca dao.

Nội dung:

- GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bài ca dao lên bảng. Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn	1. Trước khi viết a) Lựa chọn bài ca dao b) Tìm ý <table border="1"> <tr> <td>Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?</td><td></td></tr> <tr> <td>Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?</td><td></td></tr> </table>	Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?		Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?	
Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?					
Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?					

Phát phiếu tìm ý số 2 Gọi HS đọc bài ca dao ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý. ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?	
	Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?	
	c) Lập dàn ý - <u>Mở đoạn</u> giới thiệu bài ca dao. - <u>Thân đoạn</u> : Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao. + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao. + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao. + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.... - <u>Kết đoạn</u> : Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao. 2. Viết bài - Viết đoạn văn theo dàn ý. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.	
TRẢ BÀI		
Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của đoạn văn. - Chỉnh sửa đoạn văn cho mình và cho bạn. Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS. d) Tổ chức thực hiện:		
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm		

B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - <i>Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.</i>	Đoạn văn đã được sửa của HS
---	------------------------------------

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tình cảm của con người với quê hương

2. Về năng lực:

- Trình bày được suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài nghị luận (trình bày suy nghĩ)

3. Về phẩm chất:

- Yêu quê hương, đất nước, trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được nội dung hay, có ý nghĩa	Chưa có ý kiến để trình bày.	Có ý kiến, suy nghĩ để trình bày nhưng chưa hay.	Trình bày hay và ấn tượng.
2. Nội dung trình bày phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ luận điểm để người nghe hiểu ý kiến trình bày	Có đủ luận điểm để người nghe hiểu được ý kiến	Nội dung ý kiến trình bày phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

c) **Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

Đoạn video nói về điều gì? Chia sẻ cảm nhận của em sau khi xem xong đoạn video?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

Mỗi người trong chúng ta sinh ra đều có một quê hương để nhớ, để thương. Nhớ quê hương, có khi ta nhớ về những thứ giản dị, thân thương, cũng có khi là những điều thiêng liêng, gắn bó đặc biệt khiến ta ấn tượng và ghi sâu trong trái tim. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói Nội dung: - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV c) Sản phẩm: phần nói của HS.	
d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Khi trình bày bài nói nêu suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương, mục đích mà ta hướng tới là gì? ? Những người nghe trình bày là ai? GV yêu cầu HS viết ra giấy các ý quan trọng (xây dựng đề cương cho bài nói), đọc kĩ lại và đánh dấu những từ ngữ, câu quan trọng. GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm đôi luyện nói theo đề cương đã xây dựng B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? - HS làm việc cá nhân trong vòng 7', luyện nói nhóm đôi trong vòng 5' - GV gợi ý tháo gỡ KK cho HS B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. - HS trao đổi bài nói của mình. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói. Nhận xét, chốt dàn ý bài nói +Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương (đó là tình cảm thiêng liêng với mỗi người) +Chỉ ra một số biểu hiện cụ thể cho thấy tình cảm gắn bó của con người với quê hương (tình cảm đối với những người thân thiết, với phong cảnh thiên nhiên, với những phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi, đậm đà hương vị quê hương...) +Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người (giúp mỗi con người sống tốt hơn; là động lực giúp con người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân và không quên nguồn cội...) GV lưu ý HS tập trung góp ý cho bạn: bài nói đã tập trung vào trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương chưa? Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích và đối tượng lắng nghe không? Bài nói đã truyền cảm hứng cho người nghe chưa?	1. Chuẩn bị bài nói - Xác định mục đích nói và người nghe +Mục đích: trình bày, chia sẻ với mọi người những suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương. +Người nghe: là những người có chung mối quan tâm và mong muốn được trao đổi về vấn đề. - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. 2. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện * Trước khi nói: Lập dàn ý *Tập luyện: - HS nói một mình trước gương. - HS tập nói trước nhóm/tổ, góp ý cho nhau.
--	--

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	
TRÌNH BÀY NÓI	
Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói trước đám đông, khi lắng nghe. Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: Nội dung nói của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. Lưu ý ngoài ngôn ngữ phải kết hợp được ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và tương tác tích cực với người nghe. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý đã xây dựng. - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí. Gọi một số HS nói trước lớp. - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu. B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.
TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn. Gợi dẫn: Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về tình cảm của con người với quê hương không? Suy nghĩ của em về vấn đề này có tương đồng với suy nghĩ của bạn không? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Theo em bài nói của bạn có nhận được sự đồng cảm của người nghe không? Em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn? - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét của HS
--	-------------------

HĐ 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để nói và nghe

b) **Nội dung:** HS sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** bài nói hoàn chỉnh đáp ứng tốt các tiêu chí đánh giá

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp tục thực hành nói

- GV hướng dẫn HS chỉnh sửa các lỗi thường hay mắc trong bài nói, lưu ý kỹ năng nghe và đánh giá cho các HS còn lại

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình: bài nói hoàn chỉnh

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS và hoạt động nghe của cả lớp.

HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hoàn thành kẻ bảng theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học

Văn bản Đặc điểm	Chùm ca dao về quê hương đất nước	Chuyện nước mình cổ	Cây tre Việt Nam
Biện pháp tu từ nổi bật			
Tình cảm, cảm xúc của tác giả			

Bài tập 2: Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em xác định yêu cầu của bài tập.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ; vẻ đẹp của quê hương, đất nước; ý nghĩa được gợi lên từ “hành trình của bầy ong”.